

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-ST

Ngày: 16-11-2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 361/2018/TLST-DS, ngày 20 tháng 08 năm 2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2018/QĐST - DS ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J; Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông TAKADA Y, chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông HARADA K, chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao - Bộ phận quản lý Công nợ (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông TAKADA Y: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1983; Chức vụ: Nhân viên Quản lý công nợ - J; Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2018). (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J do ông Trần Thanh P làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 21/6/2017 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J (tại phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án sẽ được gọi tắt là Công ty J) có ký hợp đồng tín dụng số 55130000008310000 với ông Trần Văn L và Công ty J có cho ông L vay số tiền 16.500.000 đồng với lãi suất 4,12%/tháng, với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền 23.454.366 đồng (gồm cả gốc và lãi) và chậm trả liên tiếp trong vòng 18 tháng, mỗi tháng trả 1.316.134 đồng, tháng cuối cùng trả 1.080.088 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/07/2017. Ông L đã nhận đủ tiền và thanh toán cho công ty được 08 lần với số tiền là 10.558.613 đồng và sau đó ông L không thanh toán tiếp số tiền 10 kỳ còn lại. Công ty J có nhiều lần nhắc nhở nhưng ông L không chịu thanh toán tiền cho công ty J kể từ ngày 29/02/2018 cho đến nay.

Do ông L không thanh toán cho Công ty J nên Công ty J có khởi kiện yêu cầu ông L trả toàn bộ số nợ tổng cộng các khoản bằng 16.530.725 đồng (Trong đó nợ gốc đến hạn trả là 10.515.972 đồng + (cộng) nợ lãi tính từ ngày 29/02/2018 đến hạn ngày 15/7/2018 là 2.425.763 đồng + phí tắt toán hợp đồng trước hạn là 1.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 16/7/2018 đến ngày 16/11/2018 bằng 2.088.990 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xin rút lại phần yêu cầu đối với phí tắt toán hợp đồng trước hạn là 1.500.000 đồng.

Nay Công ty J chỉ yêu cầu ông L trả toàn bộ số nợ tổng cộng các khoản bằng 15.030.725 đồng (trong đó nợ gốc đến hạn trả là 10.515.972 đồng + (cộng) nợ lãi tính từ ngày 29/02/2018 đến hạn ngày 15/7/2018 là 2.425.763 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 16/7/2018 đến đến ngày 16/11/2018 bằng 2.088.990 đồng).

Bị đơn ông Trần Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ cho ông Trần Văn L nhưng ông Trần Văn L không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của ông Trần Văn L được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty J khởi kiện bị đơn ông Trần Văn L về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận; Bị đơn ông L có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện ông Trần Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay từ ngày 29/02/2018 nên ngày 15/8/2018 Công ty J nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đúng quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án niêm yết công khai về việc Thông báo thụ lý vụ án vào ngày 20/8/2018, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần 1 vào ngày 04/9/2018 và lần 2 vào ngày 20/9/2018 để dự phiên họp và hòa giải nhưng ông L không có mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản vắng mặt đương sự lần 1 vào ngày 13/9/2017; Lập Biên bản vắng mặt đương sự lần 2, Biên bản không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được, Biên bản không tiến hành hòa giải được lần 2 vào ngày 08/10/2018, đồng thời đưa vụ án xét xử.

Ngày 11/10/2018 Tòa án có niêm yết công khai Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 1 cho ông L để tham gia phiên tòa xử vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 29/10/2018 nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Ngày 29/10/2018 Tòa án tiếp tục có niêm yết công khai Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 2 cho ông L để tham gia phiên tòa xét xử vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 nhưng ông L vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty J và “Giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng tín dụng số 55130000008310000 cùng ngày 21/6/2017” giữa ông L với Công ty J và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 21/6/2017 giữa Công ty J và ông L có ký với nhau hợp đồng tín dụng số: 55130000008310000. Theo đó, ông L có vay của Công ty J số tiền 16.500.000 đồng với lãi suất 4,12%/tháng để tiêu dùng cá nhân, ông L có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty J tổng số tiền là 23.454.366 đồng (gồm cả gốc và lãi) và chậm trả liên tiếp trong vòng 18 tháng, mỗi tháng trả 1.316.134 đồng, tháng cuối cùng trả 1.080.088 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên là vào ngày 12/7/2017. Tuy nhiên, ông L chỉ thanh toán cho Công ty J được 08 lần với tổng số tiền 10.558.613 đồng và về sau ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiếp theo như thỏa thuận là vi phạm hợp đồng do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Xét lãi suất của hợp đồng: Tại “Giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng tín dụng số 55130000008310000 ngày 21/6/2017” giữa ông L với Công ty J hai bên thỏa thuận lãi suất 4.12%/tháng là đúng theo hợp đồng tín dụng. Phần Công ty J yêu cầu tính nợ lãi đến hạn từ ngày 29/02/2018 đến ngày 15/7/2018 là 2.425.763 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 16/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/11/2018) với số tiền là 2.088.990 đồng. Xét thấy đây là mức lãi suất thỏa thuận giữa ông L và công ty J được ký kết trong hợp đồng tín dụng số 55130000008310000 vào ngày 21/6/2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất này.

[6] Xét thấy người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu đối với phí tất toán hợp đồng trước hạn là 1.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty J buộc ông Trần Văn L phải thanh toán cho Công ty J số nợ gốc là 10.515.972 đồng và lãi bằng 4.514.753 đồng. Tổng cộng bằng 15.030.725 đồng.

[8] Về án phí: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 465; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J.

Buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J số tiền gốc là 10.515.972 đồng và tiền lãi bằng 4.514.753 đồng. Tổng cộng bằng 15.030.725 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với số nợ gốc chưa trả thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J xin rút lại yêu cầu đối với phí tất toán hợp đồng trước hạn là 1.500.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Trần Văn L phải nộp 751.536 đồng án phí dân sự sơ thẩm (15.030.825 đồng x 5% bằng 751.536 đồng).

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế VN J số tiền tạm ứng án phí bằng 361.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017899 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Lệ – Trang Thị Cẩm Nhuận

Nguyễn Ngọc Ngoan

